TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Hằng Hải

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

Bị đơn: Chị Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1991

HKTT: Tổ dân phố số 6, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 15/12/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A trình bày:

Anh và chị Bùi Thị Thanh N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh chị sống với nhau hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên tham gia khuyên bảo nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng hơn nên anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2023, hiện chị N đã về ở với bố mẹ đẻ tại xã X, huyện B,

tỉnh Lào Cai. Nay anh không còn tình cảm với chị N nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn với chị Bùi Thị Thanh N.

Về con chung, trong thời gian chung sống anh và chị N có hai con chung là cháu Nguyễn Bảo T sinh ngày 22/5/2013 và cháu Nguyễn Bảo V sinh ngày 17/10/2018. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh tại thị trấn T. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, anh và chị N tài sản chung là 01 xe ô tô Honda City biển kiểm soát 24A-162.01, đăng ký xe mang tên Nguyễn Tuấn A trị giá 300.000.000đ, khi ly hôn anh sẽ tự thoả thuận chia với chị N. Ngoài ra anh chị không có công nợ chung.

Đối với bị đơn chị Bùi Thị Thanh N, bản tự khai ngày 29/12/2023 và các lời khai tại Toà án chị N trình bày: Chi công nhận chị và anh Nguyễn Tuấn A có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai là đúng. Từ khi kết hôn đến nay anh chị vẫn sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn, anh Tuấn A nói muốn ly hôn vì hai vợ chồng không hợp nhau nhưng chị thấy không có vấn đề gì và chị không biết lý do anh Tuấn A xin ly hôn chị. Trước đây chị làm việc tại Nhà máy gang thép Việt Trung, sau đó nhà máy tạm ngừng hoạt động nên chị đã chuyển sang làm việc tại thôn H, xã X. Giữa tuần chị ở lại nhà bố mẹ đẻ tại thôn B, xã X đến cuối tuần lại trở về chung sống với anh Tuấn A tại thị trấn T. Nay anh Tuấn A xin ly hôn thì chị không nhất trí, đề nghị anh Tuấn A rút đơn về đoàn tụ. Về con chung, trường hợp anh Tuấn A cương quyết ly hôn, chị cũng không đồng ý và không đề nghị giải quyết về con. Về tài sản chung chị cũng không đề nghị giải quyết.

Ngày 10/01/2024 anh Nguyễn Tuấn A có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Toà án giải quyết chia tài sản chung giữa anh và chị N là 01 xe ô tô Honda City biển kiểm soát 24A-162.01, đăng ký xe mang tên Nguyễn Tuấn A trị giá 300.000.000đ. Toà án đã thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện của anh. Đến ngày 26/01/2024, anh Tuấn A có đơn rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, Toà án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Toà án, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Toà án đã hỏi ý kiến cháu Nguyễn Bảo T và cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Vụ án này Toà án không hoà giải được do chị N không có mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên họp hoà giải. Tại phiên toà hôm nay anh Tuấn A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, về con chung anh đề nghị giải quyết cho chị N trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Bảo Trâm theo nguyện vọng của cháu, và anh sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo Vy, không yêu cầu gì về cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 227, 228, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/

UBTVQH14, xử cho chị anh Nguyễn Tuấn A ly hôn chị Bùi Thị Thanh N. Về con chung, đề nghị giao cháu Nguyễn Bảo T sinh ngày 22/5/2013 cho chị Bùi Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Bảo V sinh ngày 17/10/2018 cho anh Nguyễn Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí, anh Tuấn A phải chịu tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Anh Nguyễn Tuấn A có đơn yêu cầu giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với chị Bùi Thị Thanh N. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Chị N vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì anh Nguyễn Tuấn A và chị Bùi Thị Thanh N có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N cho rằng anh chị vẫn chung sống bình thường không có mâu thuẫn gì. Anh Tuấn A cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau và từ tháng 3/2023 chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì từ giữa năm 2023 đến nay chị N thường xuyên vắng mặt tại thị trấn T là đúng sự thật. Anh Tuấn A đã cung cấp được chứng cứ cho thấy từ tháng 3/2023 anh chị đã đề cập tới việc chia tài sản chung để ly hôn. Mặt khác chị N muốn quay về đoàn tụ nhưng không có mặt tại phiên họp hoà giải. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Tuấn A, xử cho anh Tuấn A ly hôn với chị N.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Bùi Thị Thanh N có hai con chung là cháu Nguyễn Bảo T sinh ngày 22/5/2013 và cháu Nguyễn Bảo V sinh ngày 17/10/2018. Tại phiên toà hôm nay anh Tuấn A đề nghị để chị N trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Bảo T và anh sẽ có trách nhiệm nuôi cháu Nguyễn Bảo Vy. Quá trình giải quyết vụ án anh Tuấn A đã cung cấp được chứng cứ về công việc của anh hiện là công nhân có thu nhập hàng tháng từ lương, chị N khai hiện chị là lao động tự do đang đi làm thuê và bản thân anh Tuấn A cũng thừa nhận chị N có đi làm thuê là đúng sự thật. Như vậy hai anh chị đều có đủ khả năng và điều kiện để nuôi dưỡng con chung như nhau. Xét thấy khi hỏi ý kiến con chưa thành niên đối với cháu Nguyễn Bảo Trâm thì cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Do đó để đảm bảo các cháu được chăm sóc và phát triển tốt nhất, đảm bảo cho anh chị đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con thì Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Tuấn A, giao cháu Nguyễn Bảo

T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Bảo V cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng, không có đương sự nào đề nghị nên các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Đến nay các đương sự không ai đề nghị giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho anh Nguyễn Tuấn A ly hôn chị Bùi Thị Thanh N

2/ Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Bảo T sinh ngày 22/5/2013 cho chị Bùi Thị Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Bảo V sinh ngày 17/10/2018 cho anh Nguyễn Tuấn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Tuấn A và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn A phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0000787 ngày 26/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, anh đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Bảo Thắng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hoàng Thị Giang Thanh